

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN XÁC SUẤT THỐNG KÊ
LỚP CĐDDLT3

GV PHỤ TRÁCH: Nguyễn Đình Quốc

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN		Điểm quá trình	ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
				Kiểm tra						
1	LT161001001	Ngô Hoàng	Anh	7.0	7.0	4.0	5.2	D	Trung bình yếu	
2	LT161001002	Mạch Phương	Ánh	7.3	7.3	7.5	7.4	B	Khá	
3	LT161001003	Hứa Thị Kiều	Chín	5.0	5.0	4.3	4.6	D	Trung bình yếu	
4	LT161001004	Trần Thế	Cường	7.0	7.0	6.3	6.6	C	Trung bình	
5	LT161001005	Lê Hồng	Đào	7.3	7.3	5.5	6.2	C	Trung bình	
6	LT161001006	Nguyễn Minh	Dương	5.8	5.8	8.0	7.1	B	Khá	
7	LT161001007	Hồ Thị Tú	Dương	7.0	7.0	7.0	7.0	B	Khá	
8	LT161001008	Châu Thị Kim	Giang	7.3	7.3	5.5	6.2	C	Trung bình	
9	LT161001009	Võ Thị Ngọc	Hân	7.0	7.0	5.3	6.0	C	Trung bình	
10	LT161001010	Nguyễn Trung	Hiếu	7.5	7.5	4.5	5.7	C	Trung bình	
11	LT161001011	Lê Đức	Hùng	7.0	7.0	3.5	4.9	D	Trung bình yếu	
12	LT161001012	Đỗ Hoàng	Huynh	7.0	7.0	6.5	6.7	C	Trung bình	
13	LT161001013	Nguyễn Văn	Kha	7.3	7.3	8.0	7.7	B	Khá	
14	LT161001014	Nguyễn Quốc	Khánh	5.8	5.8	7.5	6.8	C	Trung bình	
15	LT161001015	Phan Thị Trúc	Lam	7.0	7.0	8.0	7.6	B	Khá	
16	LT161001016	Lại Thị	Lan	7.0	7.0	7.5	7.3	B	Khá	
17	LT161001017	Thị	Liêl	7.0	7.0	7.0	7.0	B	Khá	
18	LT161001018	Tô Thị Trúc	Linh	5.0	5.0	9.0	7.4	B	Khá	
19	LT161001019	Nguyễn Chúc	Ly	5.0	5.0	9.0	7.4	B	Khá	
20	LT161001020	Nguyễn Kiều	My	5.8	5.8	8.5	7.4	B	Khá	
21	LT161001021	Lý Thị Kim	Ngọc	5.0	5.0	7.5	6.5	C	Trung bình	
22	LT161001022	Trần Thanh	Nhà	5.8	5.8	0.0	2.3	F	Kém	Không ghi tên
23	LT161001023	Nguyễn Thị	Nhân	7.3	7.3	8.0	7.7	B	Khá	
24	LT161001024	Trương Văn	Niên	5.8	5.8	6.0	5.9	C	Trung bình	
25	LT161001025	Nguyễn Ngọc	Oanh	7.3	7.3	9.0	8.3	B	Khá	
26	LT161001026	Thạch Thị Sà	Phét	7.3	7.3	5.5	6.2	C	Trung bình	
27	LT161001027	Phạm Thị Nguyễn	Phụng	7.3	7.3	7.5	7.4	B	Khá	
28	LT161001028	Thị	Quol	7.0	7.0				Vắng có phép	
29	LT161001029	Phạm Thị	Sáng	7.5	7.5	6.8	7.1	B	Khá	
30	LT161001030	Phan Thanh	Tâm	7.0	7.0	8.0	7.6	B	Khá	
31	LT161001031	Nguyễn Thanh	Thắng	7.5	7.5	8.0	7.8	B	Khá	
32	LT161001032	Nguyễn Văn	Thích	7.0	7.0	4.8	5.7	C	Trung bình	
33	LT161001033	Phạm Hồng	Thứ	7.5	7.5	7.5	7.5	B	Khá	
34	LT161001034	Nguyễn Việt	Thùy	7.3	7.3	8.0	7.7	B	Khá	

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình	ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			Kiểm tra						
35	LT161001035	Nguyễn Văn Thuyền	7.0	7.0	5.3	6.0	C	Trung bình	

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình	ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			Kiểm tra						
36	LT161001036	Lương Hữu Toàn	7.0	7.0	5.0	5.8	C	Trung bình	
37	LT161001037	Phạm Trương Thanh Trà	7.5	7.5	9.5	8.7	A	Khá	
38	LT161001038	Huỳnh Việt Trung	7.3	7.3	7.0	7.1	B	Khá	
39	LT161001039	Thái Cẩm Tú	7.0	7.0	6.5	6.7	C	Trung bình	

Ghi chú: Danh sách này có 39 học viên; đạt yêu cầu: 39, không đạt yêu cầu: 0

Xếp loại học tập: Giỏi: 0 Khá: 14 TB: 21 TB yếu: 3 Kém: 1

Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10

Bạc Liêu, ngày 14 tháng 4 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng

Huỳnh Điền Côn